

## Unit 16

Can you play the piano, Lan? – Yes, I can. Can you? – No, I can't.  
Can you do it? – It's easy – Take care, Lan: It's not that easy.  
Can I help you? – Can you help me with this bag? – Certainly.  
Can I see (Can I speak to) Mr N, please? – Of course you can/Yes, certainly.  
Can you take out the garbage when you go?  
Can I borrow your shoulder?  
Can I sign up for this course in advance?  
Can you wait for us a bit? We're stuck in traffic – Take your time.  
Good morning – Good morning. Can I speak to Mr X? – He is out, but will be back at about ten.  
Excuse me, I have an appointment with Mr Smith, at 9 o'clock – Can I have your name, sir?  
Guess her age! Can you do it? – She is in (early/mid/late) fifties, I guess so.  
Can you write a poem in English or not? – Yes, I think I can/I think so <> No, I'm afraid I can't/I'm afraid not/I don't think so/I don't think I can/I think not.  
Can your daughter count to ten already?  
May I come in? – Sure • May I have your name? – My name's Le Nam • May I smoke here? – No, you mustn't.  
Miss? – Yes – May I go out for a while?  
Should I take this medicine? – No, you shouldn't.  
Should I buy a black car or a white car?

Shall we eat out today? – Let's <> Don't. Let's eat in • Shall we go to the sea this time? – Um...Let's •

WILL: Will you come in? • Will you shut/close the door? – Yes • Will you come this way, sir? • Will you help me? • Will you join us for dinner tonight? – No (I won't). Thanks • Will you be able to make it to the party on Sunday? Sorry, I'm afraid not • Will you tell him the truth? – Yes, I will • Will he be two years old next month? • Will you pay by credit card or in cash? • Ladies and gentlemen, will you raise your glasses to the bride and groom • Will you keep an eye on my son for a while? • Will she say yes when I ask her out?

**play** /pleɪ/ [Vi]: chơi đùa [Vt]: chơi cái gì ~+ the + nhạc cụ • **piano** /pi'ænəʊ/ [N]: dương cầm • **borrow** /'bɒrəʊ/ [Vt]: mượn • **shoulder** /'ʃəʊldə/ [C]: vai • **souvenir** /su:və'nɪr/ [C]: quà lưu niệm • **sign** /saɪn/ [Vt] → sign up: ghi tên, đăng ký • **stuck** /stʌk/ [adj]: tắc, kẹt, mắc • **excuse** /ɪk'skju:z/ [Vt]: tha lỗi, thứ lỗi → ~ me...↑ xin lỗi ông • **weird** /wɪəd/ [Adj]: kì lạ, khác thường, quái dị • **finish** /'fɪnɪʃ/ [Vt]: làm xong cái gì [C]: the ~: đích đến

Are you a doctor (or not)? – Yes/Of course, I am <> No, I'm not – Is your wife a doctor too? – No, she isn't/she's not. She's a nurse.

I am a doctor – Are you? – Yeah – Thank God! Please come with me: a passenger is sick.

Is he awake or asleep? – Probably awake.

Are you here for work or travel?

I'm here to work, not to play. Is that clear?

Is that you, Marry? – Yes, It's me – My God!

You never speak English, **and it's because** you're afraid you'll make mistakes – Am I right?

Is he like his father? – (he's) Um..., er...Nothing like his father.

Is 8 pm convenient for you?

By the way, Is there free breakfast? – Yes, there is.

Is there room for me to sit here? • Will there be a new season of "Ice Age"?

Is there too much sex and violence on TV?

Is it safe to eat raw eggs? • Is it true that everything happens for a reason? • Is it true? – Maybe, I'm not sure • Is this food to eat in or take away? • Is this medicine safe for children? • Is it bad or good to skip breakfast? • Is this a good time to say Yes?

Have you a car? – No, I have only a motorbike.



---Deepen your knowledge & speak good English---  
"DeepenEnglish.com"

\*\*\*\*\*

Have you got something for a headache?

Have you got much free time? – No, I'm awfully busy and have very little free time.

-----

**passenger** /'pæsɪndʒə/ [C]: hành khách • **health** /helθ/ [U]: sức khỏe/ y tế → (be) in good/bad health: có sức khỏe tốt/kém • **awake** /ə'weɪk/ [Adj]: thức <> **asleep**: ngủ • **belly** /'beli/ [C]: bụng • **special** /'speʃəl/ [adj]: đặc biệt → **specially** /'speʃəli/ [adv] • **violence** /'vaɪələns/ [U]: bạo lực • **sex** /seks/ [U]: giới tính, giống, dục tính, tình dục.

----

Do you fear failure? No, I don't: There is no success without failure.

Do you speak French? – Yes, I do. But not very well, I'm afraid

<> No, I do not/I don't – Does your husband speak English? – Yes, he does – Does he play tennis or football? – Football.

He likes Miss Smith – Do you mean Ann Smith or Mary Smith?

I like classical music. Do you? – No, I don't <> I very often go there alone – Do you? – Yeah.

Do you have to do extra work/overtime? – Yes, I do/ No, I don't.

Have you got to work today? – No, Today is my day off – Wonderful. Let's go to the zoo – Let's.

Do you like my suit? Please be honest!

Do you take a nap at noon? – Only sometimes.

Do you take your coffee black or white? – Either, I don't mind.

Do you think Vietnam will win? – I doubt it.

Does the noise of the Tv bother you? If it does, I'll turn it off.

Want a lift? It's on my way.

You like it? → Like it? Like to go downtown with me? – Very much – Then let's go together.

-----

**failure** /'feɪjə/ [U&C]: thất bại <> **success** /sək'ses/ U&C: thành công → successful • **succeed** /sək'si:d/ [Vt]: thành công • **parrot** /'pær.ət/; /'per.ət/ US [C]: vẹt • **zoo** /zu:/ [C]: vườn bách thú • **overtime** [U]: giờ làm thêm • **touch** /tʌtʃ/ [Vt] [Vi]: sờ mó, đụng, chạm • **downtown** /ˌdaʊn'taʊn/ [Adv]: trung tâm • **instead** /ɪn'sted/ [Adv]: thay (thế)

### Dịch Việt – Anh.

Cô ta không những chỉ hát mà còn chơi cả dương cầm nữa • Tôi cho rằng anh cần một chút kiên nhẫn • Tôi vẫn chưa muốn về nhà • Cô ấy không phải lúc nào cũng bắt Taxi • Mang theo điện thoại đi nhờ (may) bị nhờ xe buýt • Chẳng có gì để nói giữa mày và tao • Đừng sợ thất bại • Giáo viên không nhất thiết lúc nào cũng đúng • Chẳng có gì khác biệt giữa hai chiếc ô tô này • Mặc dù bọn họ rất khỏe, nhưng chúng tôi không sợ bọn họ • Có hàng trăm cửa hàng quần áo ở trên phố King • Cô nên cẩn thận về sức khỏe của mình • Trong công việc này, đôi khi anh phải làm thêm giờ • Bây giờ anh ấy bận rộn với một vài công việc quan trọng • Tôi khá háo hức bắt đầu công việc mới • Mày phải cố gắng chăm chỉ. Mày không được từ bỏ • Năm phút nữa tôi sẵn sàng • Tôi sẽ đặt bức tranh này lên trên tường • Trước khi đi cô ấy sẽ gặp anh • Không có xe buýt vào những ngày chủ nhật • Thức ăn ở đây không ngon lắm • Tiếng Anh mày không giỏi lắm, mày nên học chăm chỉ. • Emma rất tử tế. Cô ấy luôn giúp mọi người nếu có thể • Xin đóng cửa nhẹ nhàng • Bọn tôi hầu như chẳng bao giờ ra ngoài ăn.



---Deepen your knowledge & speak good English---  
"DeepenEnglish.com"

\*\*\*\*\*